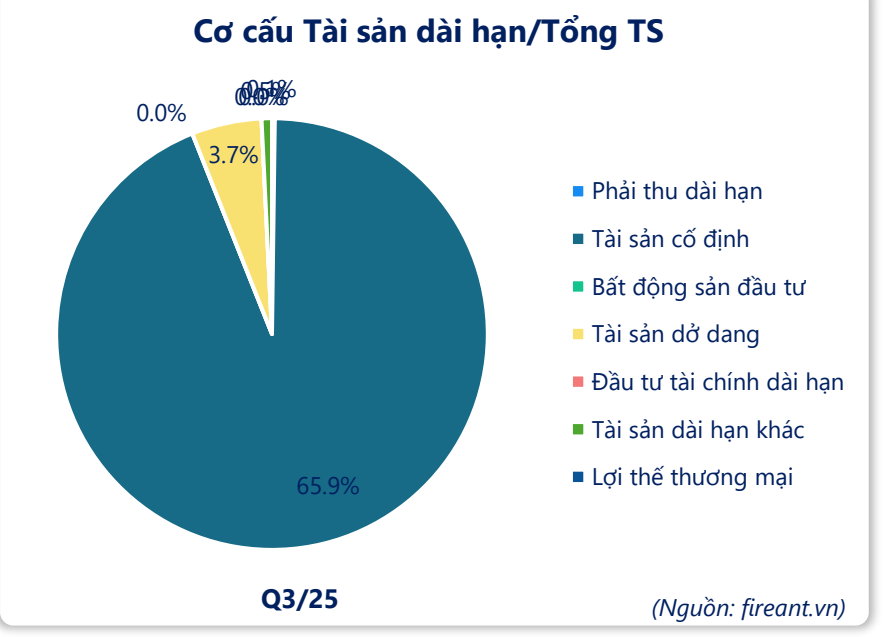
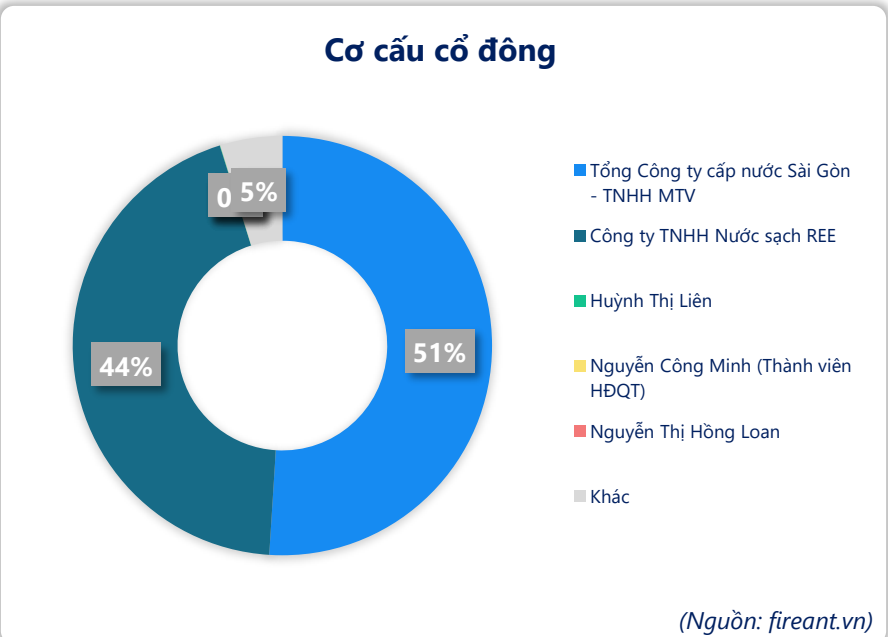
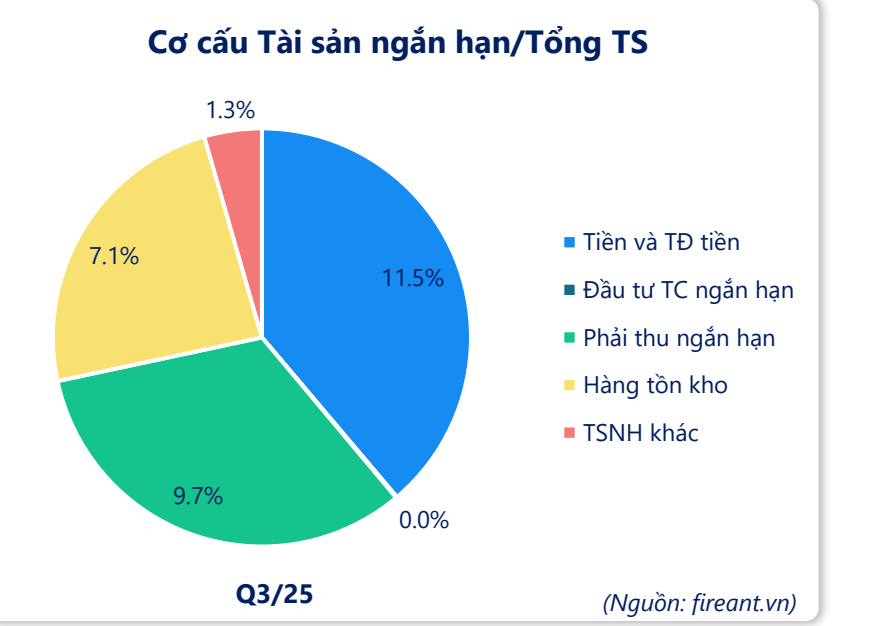
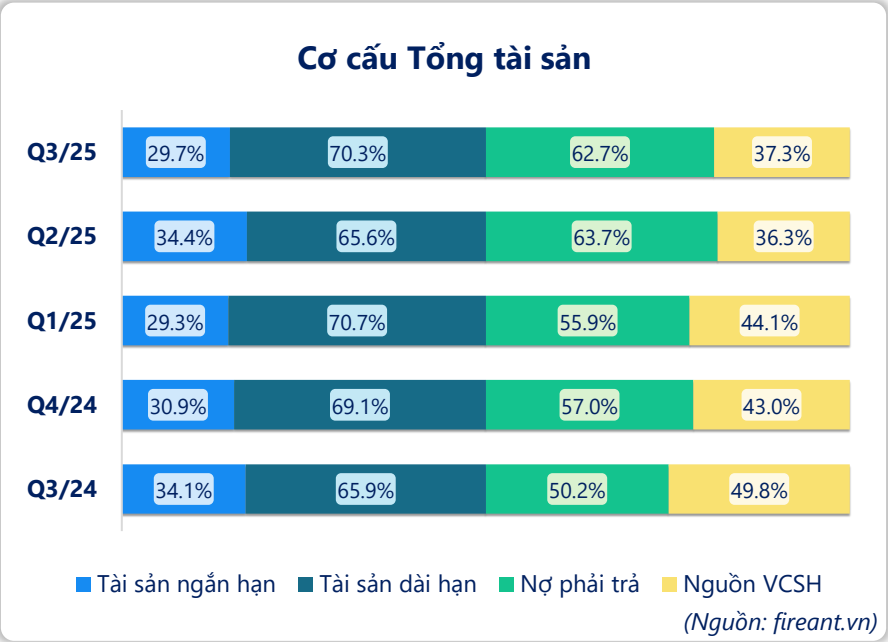
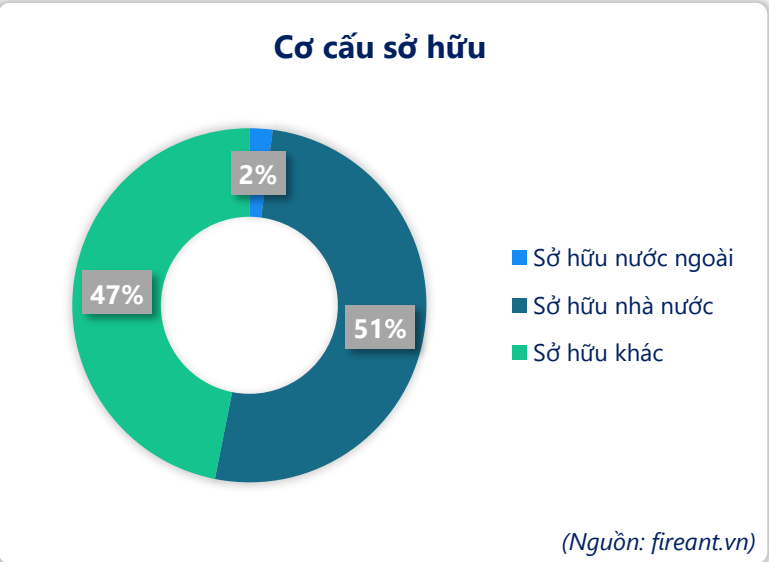
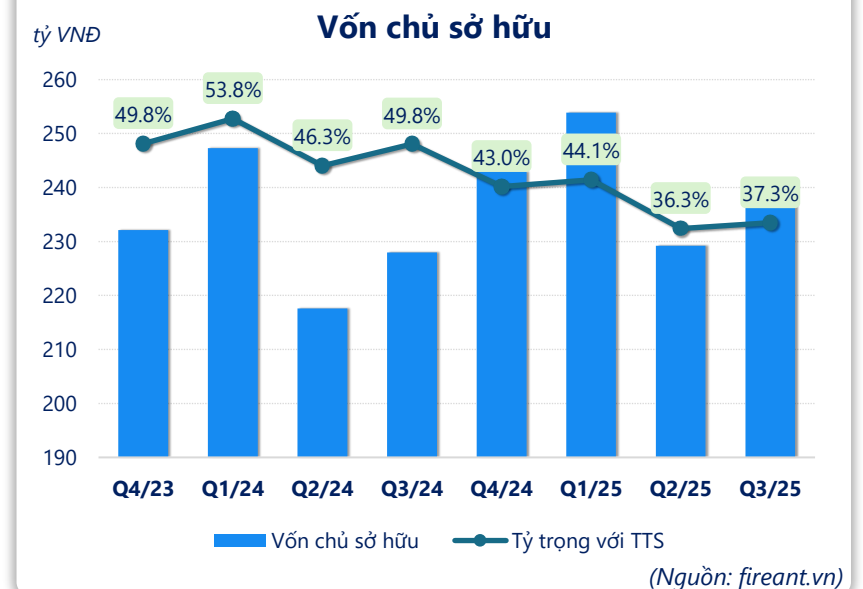
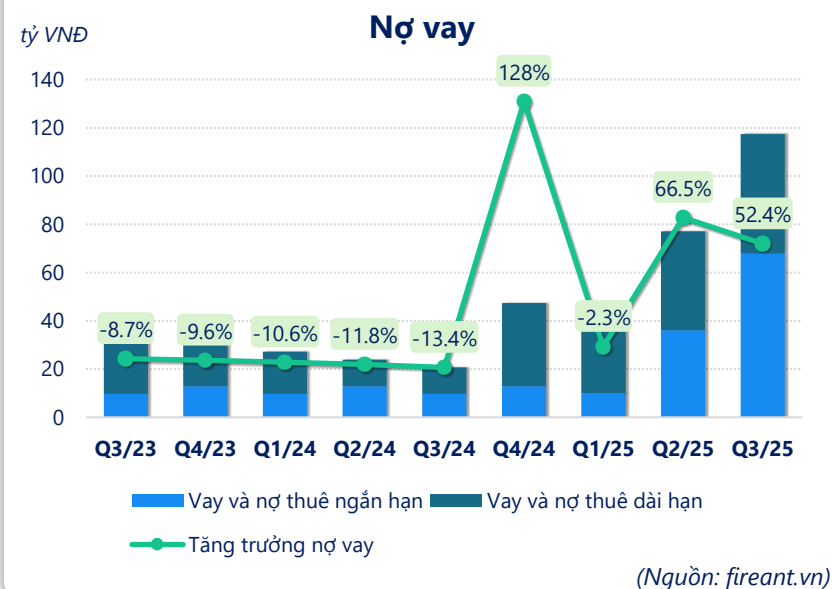
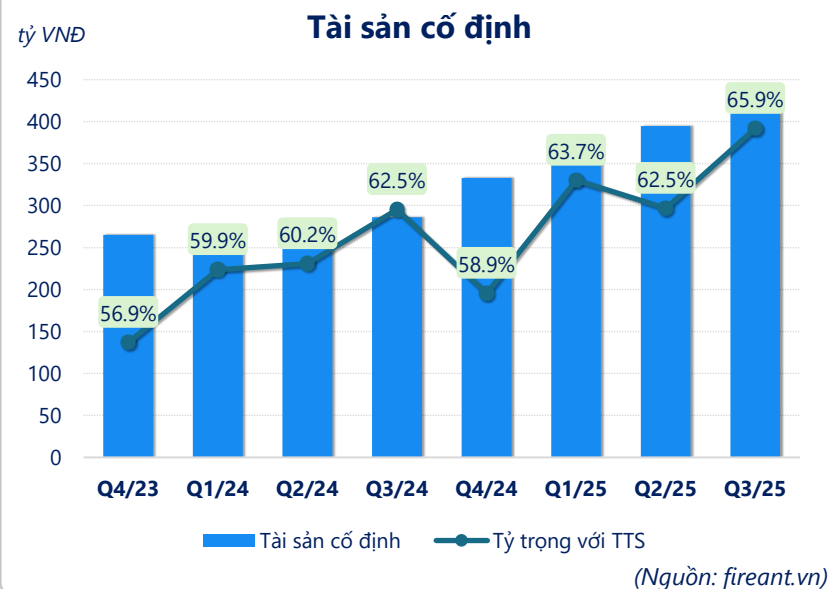
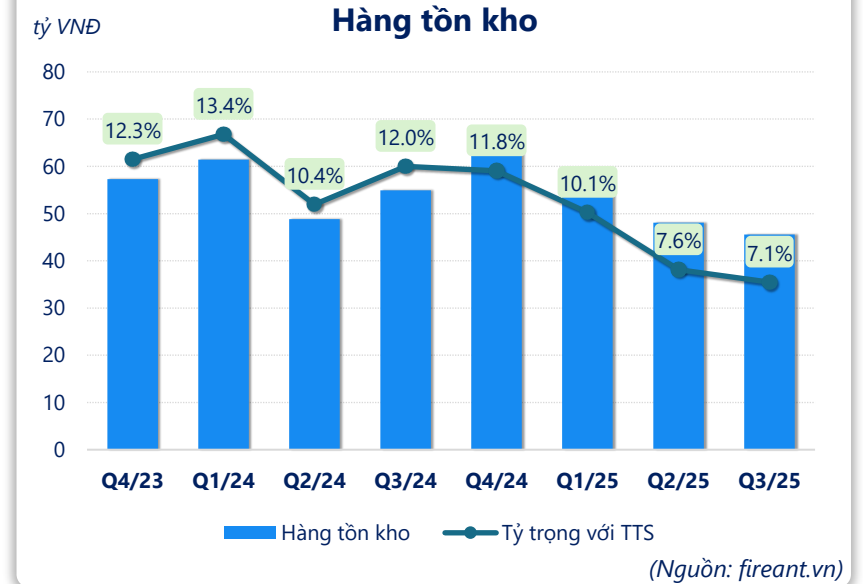
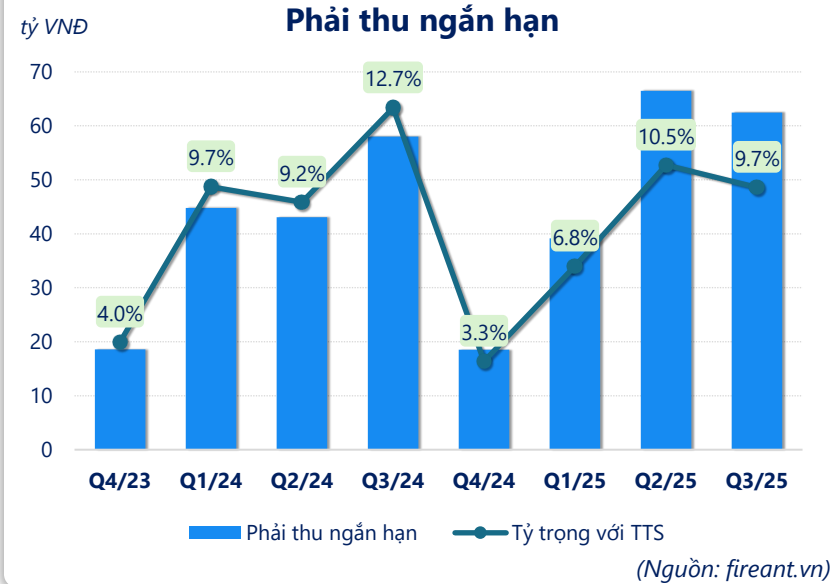
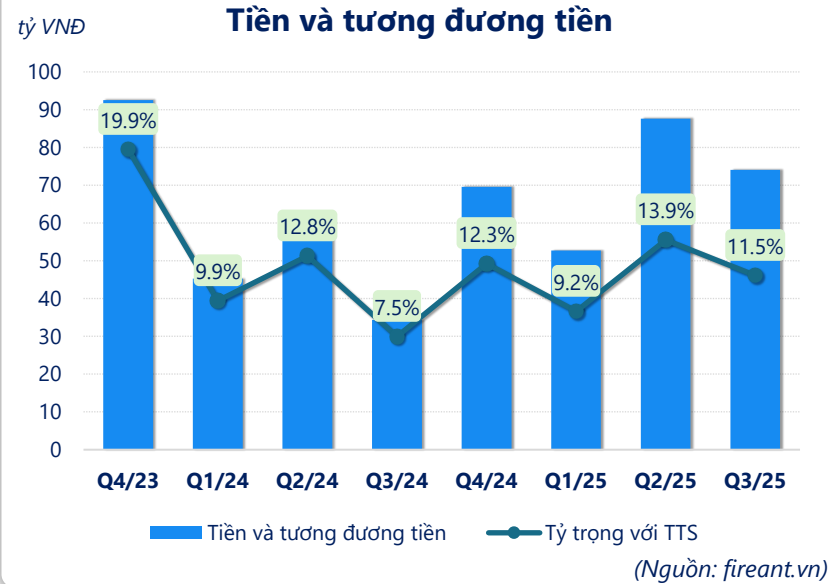
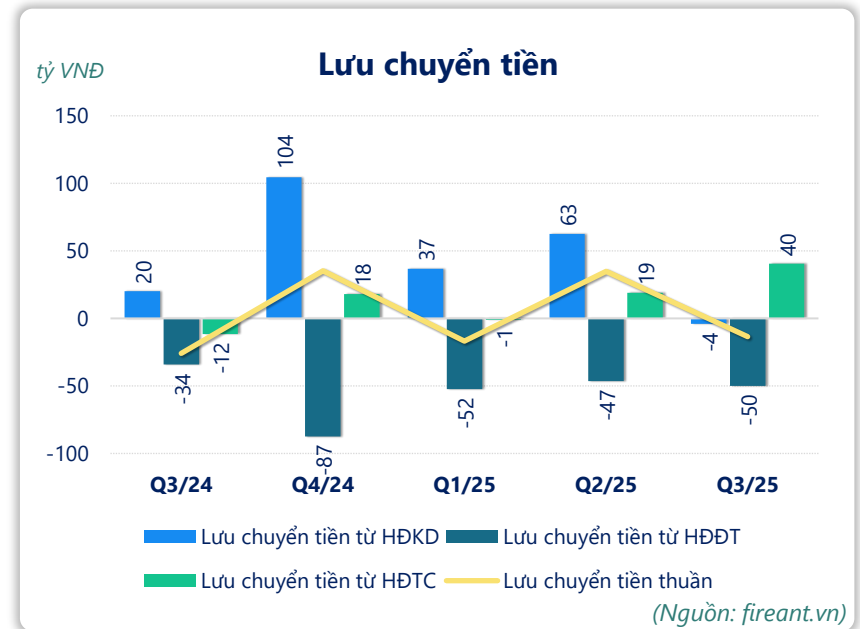
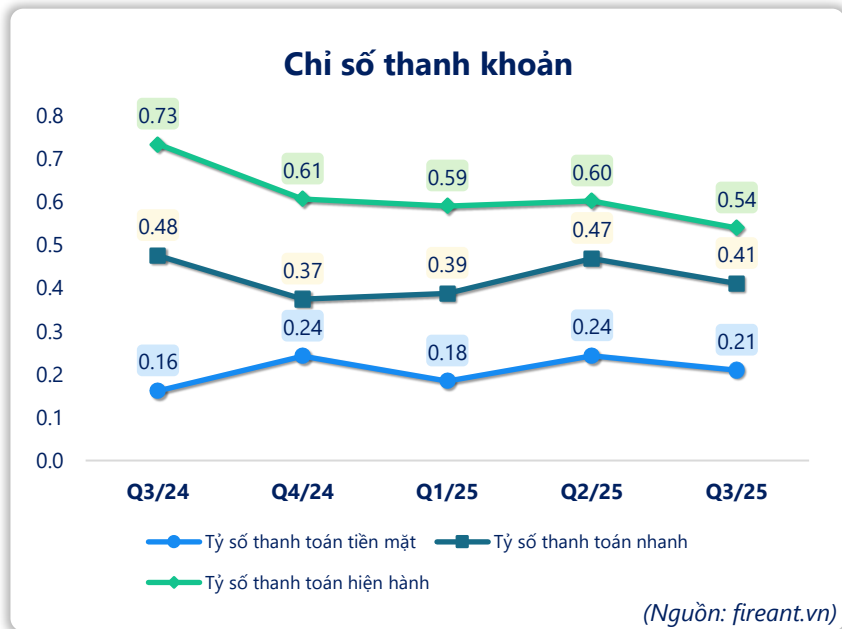
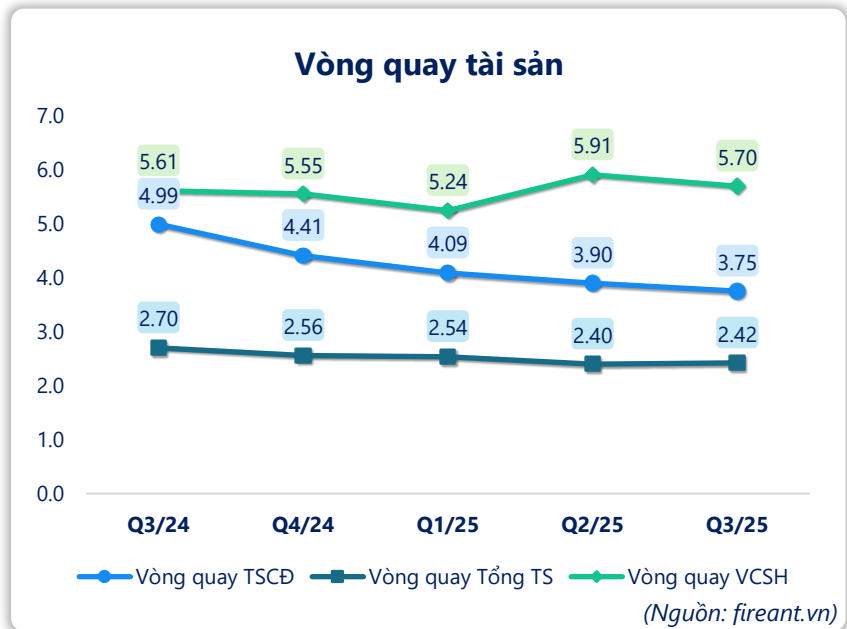
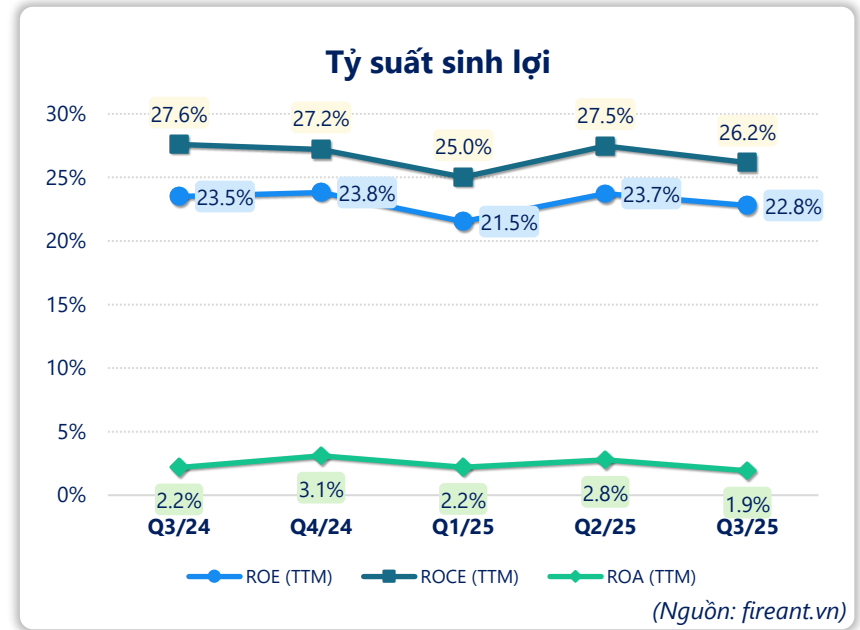
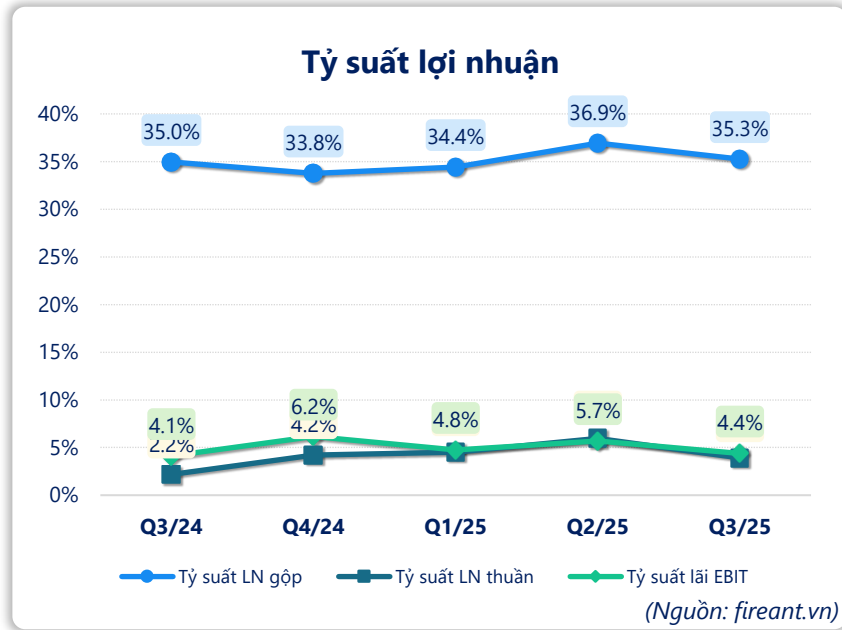
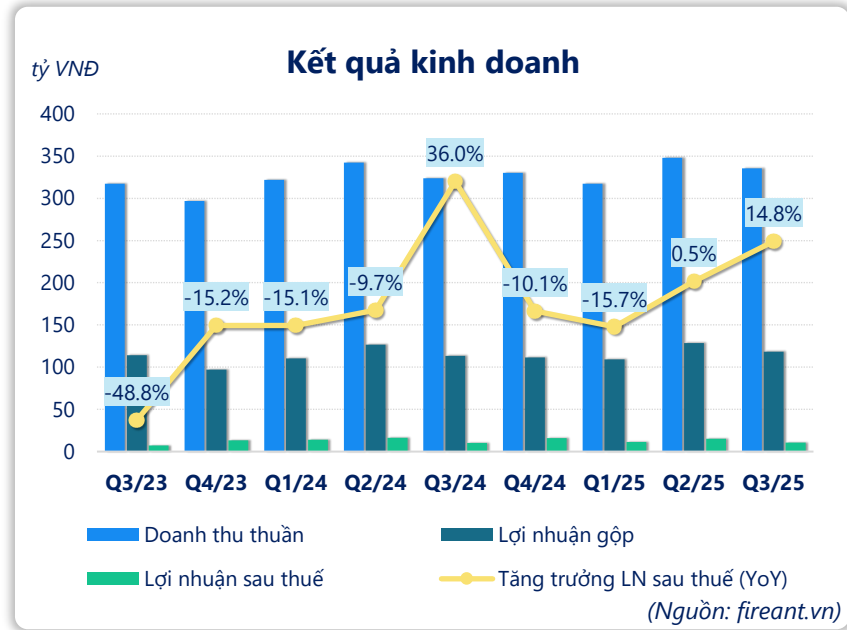


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		49,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		65,018
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		42,071
SL cổ phiếu LH		8,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		7,340
% sở hữu nước ngoài		2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		424
P/E		8.0
EPS		6,266

	YTD	1T	3T	6T
TDW	2.1%	-12.1%	-6.8%	-8.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	642	564	13.9%
Tài sản ngắn hạn	191	174	9.8%
Tiền và tương đương tiền	74.1	69.5	6.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.16	0	
Phải thu ngắn hạn	62.5	18.5	238%
Hàng tồn kho	45.6	66.1	-31.0%
Tài sản ngắn hạn khác	8.49	19.6	-56.6%
Tài sản dài hạn	452	390	15.7%
Phải thu dài hạn	0.94	0.73	28.8%
Tài sản cố định	424	333	27.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	23.7	48.8	-51.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.51	8.00	-56.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	403	322	25.3%
Nợ ngắn hạn	353	287	23.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.9	13.2	416%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.0	106	-73.7%
Nợ dài hạn	49.6	34.2	45.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	49.6	34.2	45.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	239	242	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	239	242	-1.3%
Vốn điều lệ	85.0	85.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	324	330	317	348	336
Giá vốn hàng bán	211	219	208	220	217
Lợi nhuận gộp	113	111	109	129	118
Doanh thu HĐTC	0.02	0.03	0.03	0.02	0.03
Chi phí TC	0.35	0.30	0.76	0.64	1.43
Chi phí lãi vay	0.35	0.30	0.76	0.64	1.43
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	69.3	58.9	57.4	65.7	63.2
Chi phí QLDN	36.5	38.4	36.8	41.5	40.6
LN thuần từ HĐKD	7.05	13.9	14.3	20.7	13.1
Lợi nhuận khác	5.94	6.14	0.01	-1.61	0.24
LN trước thuế	13.0	20.0	14.4	19.1	13.3
Lợi nhuận sau thuế	10.4	16.0	11.5	15.2	10.6
LNST của CĐ cty mẹ	10.4	16.0	11.5	15.2	10.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.0	104	36.7	62.5	-3.97
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-34.2	-87.4	-52.4	-46.6	-50.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.7	18.1	-1.07	18.9	40.4
Tiền đầu kỳ	60.2	34.3	69.5	52.7	87.6
Lưu chuyển tiền thuần	-25.9	35.2	-16.8	34.9	-13.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.3	69.5	52.7	87.6	74.1

(Nguồn: fireant.vn)